
ĐỀ ÔN THI MÔN NGỮ VĂN LỚP 8 HOC HỖ 2

ĐỀ 1

I. PHẦN VĂN BẢN - TIẾNG VIỆT (4đ)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.”

(Ngữ văn 8 – Tập hai)

Câu 1:(1đ) Em hãy cho biết đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào, tác giả là ai?

Câu 2:(1đ) Nội dung của đoạn văn trên là gì?

Câu 3:(2đ) Trong đoạn văn trên, theo em có thể thay từ “quên” bằng từ “không”, từ “chưa” bằng từ “chẳng” được không? Vì sao?

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (6đ)

Trò chơi điện tử đang trở thành trò chơi tiêu khiển hấp dẫn, nhất là đối với các bạn học sinh. Nhiều bạn vì mãi chơi nên sức học ngày càng giảm sút và còn phạm những sai lầm khác. Hãy viết một bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về hiện tượng đó.

ĐÁP ÁN ĐỀ 1

I. PHẦN VĂN - TIẾNG VIỆT (4đ)

Câu 1: Đoạn văn được trích từ:

+ Tác phẩm: Hịch tướng sĩ

+ Tác giả: Trần Quốc Tuấn

Câu 2: Nội dung đoạn văn: Lòng yêu nước căm thù giặc sâu sắc của Trần Quốc

Tuấn: đau xót trước cảnh tình của đất nước; uất ức, căm tức khi chưa trả được thù; sẵn sàng hy sinh để rửa mối nhục cho đất nước.

Câu 3:

- Không thể thay “quên” bằng “không”, “chưa” bằng “chẳng” được.
- Vì: Thay thế sẽ làm thay đổi ý nghĩa của câu, không phù hợp với nội dung ý nghĩa của văn bản.
- “Quên” ở đây có nghĩa là không nghĩ đến, không để tâm đến, dùng từ này thể hiện đúng ý của người viết: căm thù giặc đến mức không để tâm đến việc ăn uống. “Quên” không phải là từ phủ định.
- “Chưa”: biểu thị ý phủ định đối với điều mà cho đến một thời điểm nào đó không có, nhưng sau thời điểm đó có thể có. Còn “chẳng” cũng biểu thị ý phủ định nhưng không có hàm ý là về sau có thể có. Dùng từ “chưa” thể hiện được đúng ý của Trần Quốc Tuấn: chưa thể làm, chưa thể xả thịt lột da quân thù.

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (6đ)

Mở bài:

- Khái quát về tác hại của trò chơi điện tử.
- Nêu vấn đề cần nghị luận.

Thân bài:

Hiện trạng:

- Số lượng cửa hàng dịch vụ trò chơi điện tử nhiều và ngày càng gia tăng.
- Nó đã thu hút rất nhiều đối tượng, mọi lứa tuổi, đặc biệt là học sinh ở độ tuổi mới lớn, ưa thích khám phá cái mới.
- Nhiều bạn học sinh ngồi hàng giờ, hàng ngày trước màn hình máy tính, mê mẩn với những trò chơi trên máy mà sao nhãng học hành và còn phạm nhiều sai lầm khác nữa...

Nguyên nhân:

- Trò chơi điện tử hiện nay đang thu hút mọi người bởi tính đa dạng và phong phú của nó.
- Đây là một thú vui tiêu khiển rẻ tiền, dễ chơi với những âm thanh, đồ họa rất sống động, bắt mắt, mới lạ, hợp với tính cách của giới trẻ.
- Do bản thân chưa có ý thức tự giác, còn mãi chơi; do gia đình, bố mẹ còn lỏng lẻo trong việc quản lý con cái...

Tác hại:

- Đam mê trò chơi điện tử: tốn thời gian dễ khiến học sinh sao nhãng việc học tập, dẫn đến kết quả thấp kém, trốn học, bỏ học...
 - Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người: cận thị, đầu óc mệt mỏi...
 - Chơi game nhiều, sống với thế giới ảo sẽ làm đầu óc mụ mẫm, ảo giác, thiếu vốn sống thực tế...
 - Dễ có tiền chơi điện tử, người chơi có thể trở thành kẻ trộm cắp, cướp giật, thậm chí gây nhiều tội ác khác...
 - Bị ảnh hưởng bởi những nội dung không lành mạnh hoặc bị bạn bè xấu rủ rê, lôi kéo dễ mắc vào các tệ nạn xã hội...
- (Nêu một vài dẫn chứng cụ thể).

Giải pháp khắc phục, lời khuyên:

Việc mãi chơi điện tử rất nguy hại với lứa tuổi học sinh. Vì vậy:

- Mỗi học sinh cần phải có ý thức tự giác, thực hiện qui định về thời gian, không ảnh hưởng đến học tập...
 - Các bậc phụ huynh cần quản lí con em mình chặt chẽ.
 - Nhà trường và các tổ chức xã hội cần tổ chức các sân chơi bổ ích và lành mạnh nhằm thu hút các em.
 - Các cơ quan chức năng cần quản lí và kiểm soát chặt chẽ các dịch vụ điện tử, cần có hình thức xử phạt nghiêm đối với các đối tượng vi phạm...
- (Học sinh có thể nêu những giải pháp hợp lý khác)
- Liên hệ thực tế, đưa ra lời khuyên thiết thực.

Kết bài:

- Khái quát nhận định của cá nhân về vấn đề nghị luận.
- Hơn ai hết, bản thân mỗi bạn trẻ cần ý thức rõ ràng những mặt lợi, mặt hại của trò chơi điện tử để tự điều chỉnh mình, tự rèn luyện ý thức tự giác.
- Chỉ nên xem đây là thú tiêu khiển mang tính giải trí để không quá lạm dụng nó, phụ thuộc vào nó.

ĐỀ 2

I. PHẦN VĂN BẢN (3đ)

Câu 1 (1đ): Chép đúng và đủ đoạn văn bản sau đây:

Từng nghe:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.

(...)

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.

Câu 2 (1đ): Tên văn bản có đoạn văn trên là gì? Tác giả là ai? Được viết vào lúc nào? Viết theo lối văn, thể văn gì?

Câu 3 (1đ): Qua hai câu “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân - Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”, có thể hiểu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của tác giả là gì? Người dân mà tác giả nói tới là ai? Kẻ bạo ngược mà tác giả nói tới là kẻ nào?

II. PHẦN TIẾNG VIỆT (2đ)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

(...)

" - Bà lên đây làm gì thế?

- Đã bảo lên kiểm com ăn mà lại!

Cái dĩ không tin thế. Nhưng nó cũng không hỏi nữa. Nó nhìn bà một lúc...

- Da bà xấu quá! Sao giờ bà gầy thế?

- Chỉ đói thôi cháu ạ. Chẳng sao hết.

- Lúc này bà ở cho nhà ai?

- Chẳng ở với nhà ai.

- Thế bà lại đi buôn à?

- Vốn đâu mà đi buôn? Với lại có vốn cũng không đi được, nhọc người lắm."

("Một bữa no" - Nam Cao)

Câu 1 (1đ): Trong đoạn hội thoại trên có bao nhiêu nhân vật tham gia giao tiếp? Các nhân vật có mối quan hệ gì với nhau? Xác định vai xã hội của các nhân vật đó.

Câu 2 (1đ): Đoạn hội thoại có bao nhiêu lượt lời? Xác định lượt lời của từng nhân vật (theo số thứ tự).

III. PHẦN TẬP LÀM VĂN (5đ)

Nhà văn Nguyễn Bá Học có nói:

"Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông".

Em hiểu câu danh ngôn trên như thế nào? Từ đó, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

ĐÁP ÁN ĐỀ 2

I. PHẦN VĂN BẢN (3đ)

Câu 1:

Câu 2:

- Tên văn bản: Nước Đại Việt ta (hoặc Bình Ngô đại cáo).
- Tác giả: Nguyễn Trãi.
- Thời điểm sáng tác: Đầu năm 1428 (sau khi quân ta đại thắng quân Minh).
- Lối văn biền ngẫu, thể cáo (nghị luận cổ).

Câu 3:

- Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa trong hai câu trên là yên dân, trừ bạo. Muốn yên dân phải trừ bạo và trừ bạo chính là để yên dân.
- Người dân mà tác giả nói ở đây là nhân dân Việt Nam. Còn kẻ bạo ngược là giặc Minh xâm lược lúc bấy giờ.

II. PHẦN TIẾNG VIỆT (2đ)

Câu 1: Trong đoạn văn trên có hai nhân vật tham gia giao tiếp.

- Họ có mối quan hệ bà cháu (gia đình thân thuộc)
- Vai xã hội: Quan hệ trên - dưới (thứ bậc trong gia đình)

Câu 2: Đoạn hội thoại có 8 lượt lời:

- Lượt lời người cháu: 1-3-5-7
- Lượt lời người bà: 2-4-6-8

III. PHẦN TẬP LÀM VĂN (5đ)

1. Mở bài:

- Sức mạnh của ý chí quyết định sự thành bại trong mọi công việc. Thiếu ý chí thì sẽ khó vượt qua trở ngại để thành công.
- Dẫn câu danh ngôn.

2. Thân bài:

a. Giải thích ý nghĩa câu nói:

- Nghĩa đen: Đường đi có nhiều chướng ngại, vất vả. Ta muốn đến nơi phải quyết tâm vượt qua núi cao sông sâu.

- Nghĩa bóng:

+ Đường: Dẫn đến đích mà con người muốn đạt được

+ Sông, núi: Những trở ngại lớn của hoàn cảnh khách quan.

+ Lòng người: Ý chí, nghị lực của con người.

- Sức mạnh của ý chí giúp con người vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để thành công.

b. Vì sao đường đi không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông:

- Vì sao đường đi không khó vì những trở ngại khách quan? (Trong cuộc đời tuy có nhiều trở ngại thật, nhưng không phải là không thể chiến thắng. Núi cao đến mấy, sông rộng đến mấy, người ta vẫn có thể vượt qua. Cũng vậy, mọi khó khăn, gian lao trên đường đời chỉ là thử thách ý chí, nghị lực của ta chứ không thể làm cho ta lùi bước nếu ta quyết tâm).

- Vì sao đường đi lại khó vì lòng người ngại núi e sông? (Điều kiện quyết định để thực hiện ý muốn của mình là ý chí và nghị lực. Với lòng quyết tâm, con người có thể vượt qua thử thách để đạt mục đích mà mình đã chọn. Thiếu ý chí, thiếu nghị lực thì cho dầu đường đời thuận lợi, cũng khó vượt qua để đến đích).

*** Dẫn chứng:**

- Trong sách vở, tác phẩm văn học.

- Trong lịch sử, trong thực tế (gương các danh nhân, các gương vượt khó trong cuộc sống...)

c. Rút ra bài học:

Xem việc rèn luyện ý chí là không thể xao lãng. Chỉ có quyết tâm vượt khó mới đem lại thành công trên đường đời.

3. Kết bài:

- Câu danh ngôn là một chân lí, khẳng định vai trò của ý chí, quyết tâm và nghị lực trong cuộc sống.

- Liên hệ thực tế bản thân trong học tập và cuộc sống.

ĐỀ 3

I. PHẦN VĂN BẢN – TIẾNG VIỆT (4đ)

Câu 1 (2đ)

Chép lại nguyên văn bài thơ “ **Đi đường**” của Hồ Chí Minh (phần dịch thơ).
Nêu khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

Câu 2 (2đ)

Xác định kiểu câu trong đoạn văn sau:

“ Về nghi ngại hiện ra sắc mặt, con bé hóm hỉnh hỏi mẹ một cách thiết tha: (1)

- Sáng ngày người ta đấm u có đau lắm không ? (2)

Chị Dậu gạt nước mắt: (3)

- Không đau con ạ ! (4)”

(Ngô Tất Tố- *Tắt đèn*)

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (6đ)

Có nhận xét cho rằng: "*Nước Đại Việt ta của Nguyễn Trãi là áng văn tràn đầy lòng tự hào dân tộc*". Qua văn bản đã học, em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

ĐÁP ÁN ĐỀ 3

I. PHẦN VĂN BẢN – TIẾNG VIỆT (4đ)

Câu 1:

Nghệ thuật: Thể thơ tứ tuyệt giản dị mà hàm súc, mang ý nghĩa tư tưởng sâu sắc

Nội dung: Từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đường đời ; Vượt qua gian lao chông chát sẽ tới thắng lợi vẻ vang.

Câu 2:

(1) Câu trần thuật.

(2) Câu nghi vấn.

(3) Câu trần thuật

(4) Câu phủ định.

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (6đ)

1. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Trãi - Hoàn cảnh ra đời của Bình Ngô đại cáo và đoạn trích Nước Đại Việt ta.

- Nêu luận điểm khái quát: Nước Đại Việt ta là áng văn tràn đầy lòng tự hào dân tộc.

2. Thân bài:

Chứng minh nguyên lí nhân nghĩa là nguyên lí cơ bản làm nền tảng; cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là: Yên dân và trừ bạo.

- Yên dân là làm cho dân được hưởng thái bình, hạnh phúc; muốn yên dân thì phải trừ diệt mọi thế lực bạo tàn.
- Nhân nghĩa của Nguyễn Trãi thể hiện tư tưởng tiến bộ, tích cực, nhân quyền dân tộc.
- Nhân nghĩa gắn liền với tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc.
 - + Lịch sử dân tộc có nền văn hiến lâu đời.
 - + Có lãnh thổ rõ ràng.
 - + Có phong tục tập quán riêng.
 - + Có chế độ chủ quyền riêng song song tồn tại với các triều đại Trung Quốc.
- Sức mạnh Đại Việt là sức mạnh nhân nghĩa, sức mạnh của độc lập dân tộc, sức mạnh của chính nghĩa.

3. Kết bài:

- Khẳng định Nước Đại Việt ta là bản tuyên ngôn độc lập, tự chủ dân tộc, là áng văn tràn đầy lòng tự hào dân tộc.
- Suy nghĩ của bản thân.

ĐỀ 4

I. PHẦN VĂN BẢN – TIẾNG VIỆT (5đ)

Câu 1: (1đ)

a/ *“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.”*

(Hịch tướng sĩ - Trần Quốc Tuấn)

Đoạn hịch trên thể hiện tình cảm, thái độ gì của tác giả?

b/ Chép hai câu thơ miêu tả hình ảnh người dân chài trong bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh.

Câu 2: (1đ)

a/ Cho biết câu sau đây thực hiện hành động nói gì?

“ Cúi xin từ nay ban chiếu thư cho thầy trò trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cựu triều, đều tùy đâu tiện đấy

(*Bàn về phép học*)

b/ Việc lựa chọn trật tự từ (in đậm) trong ví dụ sau nhằm mục đích gì?

“*Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,...*”

(Hồ Chí Minh)

Câu 3: (3đ)

Viết một đoạn văn ngắn (từ 8-10 câu) trình bày cảm nghĩ về hình ảnh người chiến sĩ trong hai câu thơ sau:

Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,

Cuộc đời cách mạng thật là sang.

(Hồ Chí Minh- *Tức cảnh Pác Bó*)

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (5đ)

Nói lời hay, làm việc tốt, ứng xử đẹp,... là những nét đẹp học đường cần có ở học sinh hiện nay.

Em suy nghĩ gì về vấn đề trên?

ĐÁP ÁN ĐỀ 4

I. PHẦN VĂN BẢN – TIẾNG VIỆT (5đ)

Câu 1:

a/ Đoạn hịch thể hiện tình yêu nước và lòng căm thù giặc của tác giả.

b/ Hai câu thơ miêu tả hình ảnh người dân chài trong bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh.

*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm...*

Câu 2:

a/ Câu thực hiện hành động nói: đề nghị

b/ Việc lựa chọn trật tự từ nhằm mục đích thể hiện trình tự thời gian của các sự kiện lịch sử

Câu 3: Viết được đoạn văn nêu được cảm nghĩ về hình ảnh người chiến sĩ cách mạng qua hai câu thơ.

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN (5đ)

***Gợi ý:**

Giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Giải thích: Thế nào là nói lời hay, làm việc tốt, ứng xử đẹp? Nêu biểu hiện
- Nguyên nhân: Tại sao nói lời hay, làm việc tốt, ứng xử đẹp là nét đẹp học đường cần có ở học sinh hiện nay?
- Phê phán: Những cách xử sự thiếu tế nhị, những việc làm thiếu suy nghĩ...
- Nhận thức và hành động của bản thân.